TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L N** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21/5/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L N, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chỉnh

Ông Nguyễn Xuân Chung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thùy Linh – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L N tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị H, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: thôn Đ D, xã T N, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ - Luật sư Công ty Luật TNHH Minh Anh- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: thôn Đ D, xã T N, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 3, Trại giam Xuân Nguyên, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vũ Văn H, sinh năm 1966.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968.

Đều cư trú tại: thôn Đ D, xã T N, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lương Thị H trình bày:*

Chị và anh Vũ Văn Q kết hôn ngày 19/10/2009 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T N, huyện L N.

Sau khi cưới, chị và anh Q về ở với nhau ngay; sinh sống tại thôn Đ D, xã T N, huyện L N, tỉnh Bắc Giang cùng bố mẹ anh Q. Thời gian đầu chị và anh Q sống hạnh phúc và có 02 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thói quen sinh hoạt và thường xuyên cãi nhau; mặt khác, anh Q vi phạm pháp luật hình sự và phải đi chấp hành án nhiều lần, hiện tại anh đang chấp hành án tại Phân trại số 3, trại giam Xuân Nguyên đặt tại xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Từ năm 2019 chị H đi lao động xa và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Toà án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Q có hai con chung là Vũ Minh A, sinh ngày 29/72010 và Vũ Minh Đ sinh ngày 24/10/2016. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh Q đi chấp hành án đề nghị tạm giao hai con chung cho ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị M là bố mẹ đẻ anh Q nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Vũ Văn Q trình bày*: Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng.

Sau khi cưới, anh và chị H về sống chung và ở cùng bố mẹ đẻ anh Q.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh và chị H bất đồng quan điểm sống và cách sinh hoạt. Anh và chị H ở xa nhau thời gian đã lâu, nay xác định không còn tình cảm. Chị H xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: anh và chị H có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Chị H đề nghị giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và tạm giao các con cho bố mẹ anh chăm sóc trong thời gian anh chấp hành án anh đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H đề nghị cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi anh đồng ý.

- Về tài sản chung: anh không đề nghị giải quyết.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị M cùng trình bày*: ông bà là bố mẹ đẻ của anh Vũ Văn Q. Về việc anh Q và chị H kết hôn, chung sống và có hai con chung như chị H trình bày trong đơn là đúng. Năm 2019 chị H đi lao động nước ngoài một thời gian thì về nước nhưng từ đó đến nay không về nhà chồng sống nữa. Năm 2022 anh Q vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án tại trại giam Xuân Nguyên, hiện tại còn hơn một năm thì hết hạn tù. Từ khi chị H sinh hai cháu đến nay các cháu đều ở với ông bà, được ông bà chăm sóc, dạy dỗ và đưa đón đi học. Hiện tại vợ chồng ông sức khỏe tốt, vẫn còn khả năng lao động và đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu. Chị H đề nghị ly hôn, giao hai cháu cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và tạm giao các cháu cho ông bà chăm sóc trong thời gian anh Q đi chấp hành án ông bà đồng ý. Ông H bà M xác định hiện tại các cháu phát triển bình thường, sức khỏe tốt, các năm học đều đạt lực học khá.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm trình bày tại bản luận cứ:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Q có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau. Từ năm 2019 đến nay chị H và anh Q ly thân. Như vậy tình trạng hôn nhân của chị H anh Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh Q ly hôn.

Về con chung: chị H anh Q có hai con chung là cháu Vũ Minh A, sinh ngày 29/72010 và Vũ Minh Đ sinh ngày 24/10/2016. Do điều kiện kinh tế và công việc của chị H không ổn định, chị H hiện chưa có nhà riêng, không có công việc cố định, không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh Q đi chấp hành án đề nghị tạm giao hai con chung cho ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị M là bố mẹ đẻ anh Q nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục; anh Q, ông Hồng, bà Mỡ và hai cháu đều đồng ý. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu này của chị H. Về cấp dưỡng đề nghị buộc chị H cấp dưỡng cho mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên

đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị H và anh Vũ Văn Q được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Minh A, sinh ngày 29/72010 và Vũ Minh Đ sinh ngày 24/10/2016 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao cho ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Minh A và cháu Vũ Minh Đ trong thời gian anh Q đi chấp hành án.

Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lương Thị H phải nộp tiền cho anh Vũ Văn Q để cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Vũ Minh A và Vũ Minh Đ 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/1tháng/ 1 cháu kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/5/2025 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị H phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí về hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L N. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lương Thị H có đơn xin ly hôn anh Vũ Văn Q và đề nghị giao hai con chung cho anh Q nuôi dưỡng. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Vũ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: theo chị H và anh Q trình bày, anh chị có nhiều bất đồng về quan điểm sống, về cách sinh hoạt và vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2019 đến nay do chị H đi làm xa nhà, sau đó một thời gian anh Q đi chấp hành án tại trại giam nên vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau về tình cảm, vợ chồng bỏ mặc nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại anh Q đang chấp hành án tại Phân trại số 3, trại giam Xuân Nguyên tại xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Nay cả hai anh chị cùng xác định không còn tình cảm, chị H đề nghị ly hôn anh Q đồng ý. Như vậy có thể xác định chị H và anh Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị H và anh Q được ly hôn.

[5] Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là Vũ Minh A, sinh ngày 29/72010 và Vũ Minh Đ sinh ngày 24/10/2016. Chị H trình bày do chị không có công việc và thu nhập ổn định, hiện tại chưa có nhà ở nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh Q đi chấp hành án tạm giao cho bố mẹ anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q, ông Hồng bà Mỡ là bố mẹ đẻ anh Q và các cháu Minh A, Minh Đ cũng đồng ý với ý kiến của chị H. Hội đồng xét xử thấy, hiện tại ông H bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Vũ Minh A, Vũ Minh Đ, các cháu phát triển bình thường, khỏe mạnh, các năm học các cháu đều đạt học lực khá; chị H hiện tại không có công ăn việc làm và nơi cứ trú ổn định nên cần chấp nhận đề nghị của chị H về việc giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh Q đi chấp hành án thì tạm giao các cháu cho ông Hồng bà Mỡ nuôi dưỡng, quản lý các cháu Minh A, Minh Đ là phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của các cháu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/một cháu cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi, anh Q đồng ý việc này, ông H bà M không có ý kiến gì, do đó cần chấp nhận đề nghị này của chị H.

- Về quyền thăm nom con: chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: chị H là người có yêu cầu ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên chị H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị H và anh Vũ Văn Q được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Minh A, sinh ngày 29/72010 và Vũ Minh Đ sinh ngày 24/10/2016 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao cho ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Minh A và cháu Vũ Minh Đ trong thời gian anh Q đi chấp hành án.

Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lương Thị H phải nộp tiền cho anh Vũ Văn Q để cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Vũ Minh A và Vũ Minh Đ. Mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/1tháng/1 cháu kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/5/2025 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

3. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004574 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Chỉnh Nguyễn Xuân Chung **Thân Thị Hải Minh**

Nơi nhận:
- VKSND huyện L N, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T N, huyện L N;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện L N;
- Lưu HS+VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Thị Hải Minh